



III. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KHÁC ĐỐI VỚI TRẺ EM, HỌC SINH

01 CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ GIÁO DỤC CHO HỌC SINH THUỘC CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ RẤT ÍT NGƯỜI

Theo quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

ĐỐI TƯỢNG

Trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên thuộc 16 dân tộc có số dân dưới 10.000 người: Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ở Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thèn, La Hủ (sau đây gọi là dân tộc thiểu số rất ít người).

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HỌC TẬP

- Trẻ mẫu giáo dân tộc thiểu số rất ít người học tại các cơ sở giáo dục mầm non được hưởng mức hỗ trợ học tập bằng 30% mức lương cơ sở/trẻ/tháng.
- Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người học tại các trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông được hưởng mức hỗ trợ học tập bằng 40% mức lương cơ sở/học sinh/tháng.
- Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người học tại các trường phổ thông dân tộc bán trú hoặc là học sinh bán trú học tại trường phổ thông công lập có học sinh bán trú được hưởng mức hỗ trợ học tập bằng 60% mức lương cơ sở/học sinh/tháng.
- Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng mức hỗ trợ học tập bằng 100% mức lương cơ sở/học sinh/tháng.
- Học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người học tại các trường, khoa dự bị đại học, các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp được hưởng mức hỗ trợ học tập bằng 100% mức lương cơ sở/người/tháng.
- Thời gian được hưởng hỗ trợ: 12 tháng/năm cho đối tượng có thời gian học đủ 9 tháng/năm trở lên; trường hợp đối tượng học không đủ 9 tháng/năm thì được hưởng theo thời gian học thực tế.

02 CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐỐI VỚI HỌC SINH, NỘI TRÚ

Nghị định 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ về hướng dẫn Luật Giáo dục; Thông tư liên tịch 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú.

ĐỐI TƯỢNG

Đối tượng được hưởng các chế độ là học sinh đang học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, phổ thông dân tộc nội trú tỉnh, huyện và các trường dự bị đại học dân tộc.

CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI HỌC SINH

Học sinh đang học tại các trường trên được hưởng các chế độ ưu đãi sau đây:

- Học phí: Học sinh thuộc đối tượng trên được miễn học phí.
- Học bổng chính sách: Theo quy định tại Nghị định 84/2020/NĐ-CP ngày 20/8/2020 của Chính phủ về hướng dẫn Luật Giáo dục 2019, mức hưởng là 80% mức lương cơ sở. Học bổng chính sách được cấp đủ 12 tháng/năm.
- Chế độ thưởng: Học sinh nếu học tập và rèn luyện tốt, đạt kết quả từ khá trở lên (ở năm học trước đó) được Nhà trường thưởng một lần/năm như sau:
 - Mức 400.000 đồng nếu đạt khá;
 - Mức 600.000 đồng nếu đạt giỏi;
 - Mức 800.000 đồng nếu đạt xuất sắc.
- Trang cấp hiện vật; Tiễn tàu xe; Hỗ trợ học phẩm; Sách giáo khoa.
- Chi cho ngày tết nguyên đán, tết dân tộc; Chi hoạt động văn thể; Chi bảo vệ sức khỏe; Chi tuyển sinh và thi tốt nghiệp; Chi tiền điện, nước phục vụ việc học tập và sinh hoạt.

03 CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NHÓM TRẺ EM KHUYẾT TẬT

Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.

ĐỐI TƯỢNG

Áp dụng đối với người khuyết tật học tập trong các cơ sở giáo dục có dạy người khuyết tật, các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.

CHÍNH SÁCH

- Được học hòa nhập.
- Được Ưu tiên nhập học: Người khuyết tật được nhập học ở độ tuổi cao hơn so với quy định chung là 3 tuổi.
- Ưu tiên tuyển sinh:
 - Đối với trung học cơ sở, trung học phổ thông.
 - Được miễn, giảm một số nội dung môn học hoặc hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục.
 - Được miễn học phí; được hỗ trợ chi phí học tập với mức 100.000 đồng/học sinh/tháng để mua sách, vở và các đồ dùng học tập khác. Thời gian được hưởng theo thời gian học thực tế và không quá 9 tháng/năm học.
- Người khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học tại các cơ sở giáo dục được hưởng học bổng mỗi tháng bằng 80% mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ trong từng thời kỳ.
- Người khuyết tật thuộc đối tượng được hưởng chính sách đang học tập tại cơ sở giáo dục đại học, trung cấp chuyên nghiệp được cấp học bổng 10 tháng/năm học; người khuyết tật thuộc đối tượng được hưởng chính sách đang học tập tại cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập được cấp học bổng 9 tháng/năm học.
- Người khuyết tật thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo đang học tại các cơ sở giáo dục được hỗ trợ kinh phí để mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập với mức 1.000.000 đồng/người/năm học.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TRẺ EM, HỌC SINH THUỘC DIỆN HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO, CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH THUỘC CÁC VÙNG KHÓ KHĂN, ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

Ngày 18/01/2022 Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 90/QĐ-TTg về việc ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, trong đó kết quả chỉ tiêu cần đạt đến năm 2025 chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo là:

- Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 90%.
- Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo đạt 60%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 25%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.





I. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TRẺ MẦM NON

01 CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĂN TRƯA CHO TRẺ MẦM NON

Theo quy định tại Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non (Nghị định 105).

ĐỐI TƯỢNG

Trẻ em độ tuổi mẫu giáo (không bao gồm trẻ em dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người) đang học tại lớp mẫu giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non bảo đảm một trong những điều kiện sau:

- Có cha hoặc có mẹ hoặc có người chăm sóc trẻ em hoặc trẻ em thường trú ở thôn đặc biệt khó khăn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
- Không có nguồn nuôi dưỡng được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.
- Là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
- Trẻ em là con liệt sĩ, con Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh, con người hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh; con một số đối tượng chính sách khác theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có).
- Trẻ em khuyết tật học hòa nhập.

NỘI DUNG CHÍNH SÁCH

Trẻ em thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ tiền ăn trưa là 160.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

02 CHÍNH SÁCH MIỄN HỌC PHÍ

Đối tượng cụ thể được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục.



II. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC SINH PHỔ THÔNG

01 CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN ĂN, NHÀ Ở VÀ GẠO CHO HỌC SINH TẠI XÃ, THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

(Theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn)

ĐỐI TƯỢNG

1. Đối với học sinh tiểu học và trung học cơ sở phải bảo đảm một trong các Điều kiện sau:

- Là học sinh bán trú đang học tại trường phổ thông dân tộc bán trú;
- Là học sinh mà bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở thuộc xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.
- Nhà ở xa trường Khoảng cách từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học và từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: Phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá;
- Là học sinh mà bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở thuộc xã khu vực II vùng dân tộc và miền núi. Nhà ở xa trường hoặc địa hình cách trở giao thông đi lại khó khăn cụ thể như quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP.

2. Đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số, phải bảo đảm các Điều kiện sau:

- Đang học tại trường trung học phổ thông hoặc cấp trung học phổ thông tại trường phổ thông có nhiều cấp học;

ĐỐI TƯỢNG

- Bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.
- Nhà ở xa trường Khoảng cách từ 10km trở lên hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: Phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá.
- 3. Đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh**, ngoài các Điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này còn phải là nhân khẩu trong gia đình thuộc hộ nghèo.

MỨC HỖ TRỢ

- Hỗ trợ tiền ăn: mỗi học sinh được hỗ trợ mỗi tháng bằng 40% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 9 tháng/năm học/học sinh;
- Hỗ trợ tiền nhà ở: đối với học sinh phải tự túc chỗ ở do nhà trường không thể bố trí ở bán trú trong trường được, mỗi tháng được hỗ trợ bằng 10% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 9 tháng/năm học/học sinh;
- Hỗ trợ gạo: mỗi học sinh được hỗ trợ mỗi tháng 15kg gạo và được hưởng không quá 9 tháng/năm học/học sinh.

02 CHÍNH SÁCH MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

Đối tượng cụ thể được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục.